TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST Ngày 23-3-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Vui.

Bà Phạm Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2026/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diễm S**, sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Trí T**, sinh năm: 1994; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm S trình bày:

+ Về hôn nhân: Vào năm 2014 bà và ông Huỳnh Trí T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long), đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì mất hạnh phúc, nguyên nhân là do xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống không giải quyết được. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông T, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ *Về con chung:* Có 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Nguyễn Phương N, sinh ngày: 29/12/2014 và Huỳnh Trí Đ, sinh ngày: 28/10/2018. Khi ly hôn bà S đồng ý để cho ông T được quyền trực tiếp nuôi con, bà S tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/người con/tháng.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2026, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 04/3/2026 bị đơn là ông Huỳnh Trí T trình bày: Ông và bà S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của ông ở ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian sống chung với nhau giữa ông và bà S có nhiều lần bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay giữa ông T và bà S đã sống ly thân với nhau. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà S thì ông T đồng ý ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung: Có 02 (hai) người con chung đang sống với ông. Khi ly hôn ông T đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Không có.

Do bận công việc làm ăn nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm S:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm S được ly hôn với ông Huỳnh Trí T.

- Cấp dưỡng vợ, chồng sau ly hôn: Bà S không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

- Về con chung: Ông Huỳnh Trí T tiếp tục nuôi 02 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Phương N, sinh ngày 29/12/2014 và Huỳnh Trí Đ, sinh ngày 28/10/2018.

- Cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà S cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng sau khi ly hôn với ông T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Diễm S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* với ông Huỳnh Trí T có địa chỉ tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Huỳnh Trí T có yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà S và ông T1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận vào bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa bà S và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay mà vẫn không hàn gắn được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông T cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà S, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà S về việc ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà S, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con: Bà S đồng ý giao cho ông T được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung giữa bà với ông T là Huỳnh Nguyễn Phương N, sinh ngày: 29/12/2014 và Huỳnh Trí Đ, sinh ngày: 28/10/2018, hai người con này hiện đã trên bảy tuổi và đang sống chung với ông T. Người con tên Huỳnh Trí Đ, sinh ngày: 28/10/2018 có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông T nên cần ghi nhận nguyện vọng này. Riêng đối với người con tên Huỳnh Nguyễn Phương N, sinh ngày: 29/12/2014 mặc dù có nguyện vọng được sống chung với bà S, nhưng hiện tại bà S đang đi làm xa, không có điều kiện để chăm sóc, đưa đón con đi học; trong khi đó ông T đang trực tiếp nuôi con và cũng đồng ý nuôi con nên cần giao người con này cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà S tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/người con/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi. Mặc dù ông T không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con, nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà S.

[6] Về tài sản: Bà S, ông T đều xác định không có tài sản nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ: Bà S, ông T xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm S được ly hôn với ông Huỳnh Trí T.

[2] Về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cho ông Huỳnh Trí T được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung giữa ông và bà Nguyễn Thị Diễm S là Huỳnh Nguyễn Phương N, sinh ngày: 29/12/2014 và Huỳnh Trí Đ, sinh ngày: 28/10/2018 (đang sống chung với ông T).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Diễm S về việc cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/người con/tháng, kể từ tháng 3 năm 2026 đến khi con chung (Huỳnh Nguyễn Phương N, sinh ngày: 29/12/2014, Huỳnh Trí Đ, sinh ngày: 28/10/2018) tròn 18 tuổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thị Diễm S, ông Huỳnh Trí T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thị Diễm S, ông Huỳnh Trí T có thể thỏa thuận giải quyết việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Diễm S, ông Huỳnh Trí T đều xác định không có tài sản nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Bà S, ông T xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Diễm S phải chịu 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002525 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà Nguyễn Thị Diễm S còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Bà Nguyễn Thị Diễm S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Trí T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[7] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền